

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2026/HS-PT

Ngày 03 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miên

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khả Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thanh Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 123/2006/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2006 đối với bị cáo Tạ Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Tạ Thị N**, sinh năm 1988 tại tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nay là ấp K, xã P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; chồng: Không; tiền án, tiền sự: Không; vắng mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Việt B, sinh năm 1968; nơi cư trú: Khóm H, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau; không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ đêm ngày 29/11/2005, tại trụ sở Phân Trường I thuộc Lâm Nghiệp trường Nông Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh H, Trần C cùng với Tạ Thị N, Lý Mỹ D1, Nguyễn Thảo L1 có tổ chức tiệc rượu, sau đó thì nghỉ nhậu và ngủ. Đến khoảng 02 giờ đêm ngày 30/11/2005, Tạ Thị N thức giấc. Lúc này, N phát hiện chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6030 của ông Nguyễn Việt B nên lấy cắp chiếc điện thoại. N mang chiếc điện thoại đến tiệm H1 tại ấp I, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau bán được 1.100.000đ. Số tiền trên N mua 01 dây chuyền vàng 18ka, 01 đôi bông tai vàng 18ka, 01 nhẫn vàng 18ka, 01 đôi dép, 04 khúc vải và mỹ phẩm; số tiền còn lại 179.000đ N quản lý. Bị mất tài sản nên ông B báo Công an, N bị mời làm việc và thừa nhận đã lấy cắp tài sản của ông B.

Kết luận định giá tài sản số 16/KLĐGTS ngày 07/12/2005 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc điện thoại di động N2 6030 có trị thành tiền là 1.755.000đ.

Bị hại B không có yêu cầu bị cáo hoàn trả tài sản trộm cắp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 68; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tuyên phạt bị cáo Tạ Thị N 04 tháng tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/6/2006, bị cáo Tạ Thị N kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

Căn cứ Điều 157 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm về phần Trách nhiệm hình sự, tuyên bị cáo Tạ Thị N không có tội và đình chỉ vụ án (do chính sách hình sự mới nhân đạo của Nhà nước, người được đình chỉ không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 02 giờ đêm ngày 30/11/2005, Tạ Thị N đã lén lút lấy cắp 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6030 của ông Nguyễn Việt B đem bán được 1.100.000đ lấy tiền chi xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 16/KLĐGTS ngày 07/12/2005 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc điện thoại di động N2 6030 có trị thành tiền là 1.755.000đ.

Từ cơ sở trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau xét xử Tạ Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” và phạt 04 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Không đồng ý với án sơ thẩm về hình phạt, ngày 05/6/2006, Tạ Thị N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2.1] Sau khi án sơ thẩm xét xử, bị cáo N kháng cáo, ngày 17/7/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý vụ án. Đến tháng 9/2006, Tạ Thị N bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 13/9/2006, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Lệnh bắt và Tạm giam số 347/2006/HSPT – LBTG đối với Tạ Thị N nhưng vẫn không thực hiện được do không biết Tạ Thị N đang ở đâu. Ngày 11/10/2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định truy nã số 27/PC14 Truy nã đối với Tạ Thị N. Ngày 22/11/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 04/2006/HSPT Tạm đình chỉ vụ án đối với Tạ Thị N. Ngày 22/4/2026, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 02/2026/HSPT-QĐ Phục hồi vụ án đối với Tạ Thị N. Ngày 28/4/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 80/2026/QĐXXPT-HS Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm Tạ Thị N vắng mặt; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Tạ Thị N.

[2.2] *Xét kháng cáo của bị cáo:*

Đêm ngày 30/11/2005, Tạ Thị N đã lợi dụng lúc ông Nguyễn Việt B ngủ, bị cáo lén lút lấy cắp chiếc điện thoại di động của ông B, chiếc điện thoại giá trị thành tiền là 1.755.000đ. Hành vi bị cáo chiếm đoạt chiếc điện thoại của ông B là hành vi trộm cắp tài sản, vi phạm pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Người nào trộm cắp tài sản người khác có giá trị từ 500.000đ đến dưới 50.000.000đ thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Như vậy, Tạ Thị N lấy cắp tài sản của ông B có giá trị 1.755.000đ nên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau tuyên bố Tạ Thị N phạm tội Trộm cắp tài sản và phạt 04 tháng tù là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo:

Thấy rằng, hiện nay Bộ luật Hình sự đã có sửa đổi bổ sung. Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi thành Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017. Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 quy định: Người nào trộm cắp tài sản người khác giá trị

từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Đối chiếu với Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 thì giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông B có giá trị 1.755.000đ chưa đủ định lượng để chịu trách nhiệm hình sự.

Điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự 2015:

*“d) Không xử lý về hình sự đối với người thực hiện hành vi mà quy định là tội phạm nhưng không quy định là tội phạm, bao gồm: tảo hôn; báo cáo sai trong quản lý kinh tế; ...; hành vi theo (được hướng dẫn thi hành trong các văn bản quy phạm pháp luật) là tội phạm nhưng do có sửa đổi, bổ sung, **thay đổi các yếu tố cấu thành tội phạm** nên hành vi đó không cấu thành tội phạm nữa. Nếu vụ án đã khởi tố, đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ;..”.*

Như vậy, do pháp luật hình sự thay đổi về định lượng giá trị tài sản chiếm đoạt của tội trộm cắp tài sản để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung; căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, huỷ bản án sơ thẩm, tuyên Tạ Thị N không có tội và đình chỉ giải quyết vụ án về tội danh, hình phạt và án phí sơ thẩm hình sự đối với Tạ Thị N; còn lại các quyết định khác của án sơ thẩm tiếp tục thi hành theo quy định của pháp luật. Việc huỷ bản án, tuyên không có tội và đình chỉ giải quyết vụ án về tội danh và hình phạt đối với Tạ Thị N là do có sự thay đổi của pháp luật mà không thuộc trường hợp oan sai.

[3] Án phí: Do huỷ án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần trách nhiệm hình sự của Tạ Thị N nên Tạ Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tạ Thị N đã dự nộp 50.000đ tiền dự nộp án phí hình sự phúc thẩm tại Biên lai số 006103 ngày 05/6/2006 của Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Cà Mau được giao trả lại cho Tạ Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Thị N. Huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2006/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đối với phần quyết định về tội danh, hình phạt, án phí hình sự sơ thẩm đối với Tạ Thị N; bị cáo Tạ Thị N không phạm tội Trộm cắp tài sản (do chính sách hình sự mới nhân đạo của Nhà nước, người được đình chỉ không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước); đình chỉ vụ án về trách nhiệm hình sự đối với Tạ Thị N.

- Án phí hình sự phúc thẩm Tạ Thị N không phải chịu.

- Tà Thị N1 được quyền nhận lại 50.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm đã dự nộp tại Biên lai số 006103 ngày 05/6/2006 của Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- TAND Khu vực 5 - Cà Mau;
- VKS nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Cà Mau;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miên